

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 298/2017/HNGĐ-ST

Ngày : 19-9-2017

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

2. Ông Võ Thái Quân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT: Ông Lê Hữu Đức – kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2017 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2017/QĐXX ST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thúy M**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 175/1C, đường Bùi Văn Danh, khóm ĐA, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp TT, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Chị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn Chị Thúy M trình bày: Sau thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới cho chúng tôi vào năm

2013, không đăng ký kết hôn. Sau khi đám cưới vợ chồng sống chung với gia đình chị M, đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, do anh Đ không chăm lo gia đình, không lo chí thú làm ăn, ham mê cờ bạc, chị M có nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Đ không nghe và nhiều lần còn đánh đập chị, chị có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng được hòa giải động viên về sống chung nhưng anh Đ không sửa đổi tính tình, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn Đ.

Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 17/10/2014, đang sống với chị M, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về quan hệ nợ phải thu phải trả: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Anh Bùi Văn Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên tòa án không ghi nhận ý kiến của anh Đ.

Tại phiên tòa, anh Bùi Văn Đ vẫn vắng mặt, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: chị M, anh Đ không có đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp. Trong thời gian anh chị sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân từ giữa năm 2015 cho đến nay nhưng vẫn không hàn gắn được hạnh phúc gia đình, nên không công nhận anh Đ, chị M là vợ chồng là phù hợp quy định pháp luật.

Về con chung: cháu Nguyễn K, sinh ngày 17/10/2014, từ khi anh chị ly thân, cháu sống với chị M, nên chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và lý lẽ của nguyên đơn và bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt không lý do. HĐXX căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét vắng mặt đối với anh Đ, chị M.

[2] Về hôn nhân: Năm 2013, anh Đ, chị M được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, chung sống và coi nhau là vợ chồng nhưng đến nay vẫn không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nơi cư trú của anh, chị để đăng ký kết hôn quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên pháp luật không công nhận anh chị là vợ chồng, nhưng chị M có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 17/10/2014, đang sống với chị M, chị M yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng và anh Đ không có ý kiến phản đối. Hội đồng xét xử dành quyền cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng cháu K là phù hợp. Tuy nhiên, chị M phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh Đ đến thăm nom và giáo dục con sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này được quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con; cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng: chị M không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Đ không phải chịu án phí.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 3; Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Thúy M với anh Bùi Văn Đ là vợ chồng.

Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Thúy M được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn K, sinh ngày 17/10/2014 đến thành niên hoặc tự lập được. Chị M phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh Đ đến thăm nom và giáo dục con sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị M không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012936 ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT. Anh Bùi Văn Đ không phải chịu án phí.

Anh Đ, chị M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi Nhận :

- VKSND huyện PT;
- Chi cục THA huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu TA;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Chí Keo